Inspiron 15

5000 Series

Hình dạng

Thông số kỹ thuật

Copyright © 2015 Dell Inc. Mọi quyền đã được bảo lưu. Sản phẩm này được bảo vệ bởi các luật về bản quyền và sở hữu trí tuệ của Hoa Kỳ và quốc tế. Dell và logo Dell là các thương hiệu của Dell Inc. tại Hoa Kỳ và/hoặc các vùng tài phán khác. Tất cả các nhãn hiệu và tên gọi khác được đề cập ở đây có thể là thương hiệu của các công ty tương ứng.

2015 -03 Phiên bản A00

Model quy định: P51F | Loại: P51F001/P51F003

Model máy tính: Inspiron 15-5558/Inspiron 15-5551

GHI CHÚ: Các hình ảnh trong tài liệu này có thể khác biệt với máy tính của bạn tùy thuộc vào cấu hình bạn đã đặt hàng.

Hình dạng

Trước

Trái

Phải

Mặt nền

Hiển thị

Trước

1 Đèn tình trạng nguồn và pin/đèn hoạt động ổ đĩa cứng

Cho biết trạng thái nguồn và điện tích pin.
Nhấn Fn+H để chuyển đổi đèn này giữa đèn hoạt động ổ đĩa cứng và đèn trạng thái pin.

Trắng đều	Bộ chuyển đổi nguồn được kết nối và pin đã sạc được hơn 5%.
Hổ phách	Máy tính đang sử dụng pin và pin đã sạc được chưa đầy 5%.
Tắt	• Bộ chuyển đổi nguồn được kết nối và pin đã được sạc đầy. • Máy tính đang sử dụng pin và pin đã sạc được hơn 5%. • Máy tính đang ở trạng thái ngủ, ngủ đông, hoặc tắt.

Hình dạng

Trước

Trái

Phải

Mặt nền

Hiển thị

Trái

1 Cổng bộ chuyển đổi nguồn điện

Kết nối bộ chuyển đổi nguồn điện để cấp nguồn cho máy tính và sạc pin.

2 Cổng mạng (chỉ có ở Inspiron 15-5558)

Kết nối cáp Ethernet (RJ45) từ bộ định tuyến hoặc modem băng thông rộng để truy cập mạng hoặc internet.

3 Cổng HDMI

Kết nối TV hoặc thiết bị khác có hỗ trợ ngõ vào HDMI. Cung cấp ngõ ra video và âm thanh.

4 Cổng USB 3.0

Kết nối các thiết bị ngoại vi như thiết bị lưu trữ, máy in, v.v... Cung cấp tốc độ truyền dữ liệu lên tới 5 Gbps.

5 Khe đọc thẻ nhớ

Đọc và ghi vào thẻ nhớ.

Hình dạng

Trước

Trái

Phải

Mặt nền

Hiển thị

Phải

1 Cổng tai nghe

Kết nối tai nghe, micrô, hoặc một tai nghe và micrô kết hợp (bộ tai nghe).

2 Cổng USB 2.0 (2)

Kết nối các thiết bị ngoại vi như thiết bị lưu trữ, máy in, v.v... Cung cấp tốc độ truyền dữ liệu lên tới 480 Mbps.

3 Ổ đĩa quang

Đọc và ghi vào các đĩa CD và DVD.

4 Khe cáp bảo vệ

Đấu nối cáp bảo vệ để ngăn ngừa di chuyển trái phép máy tính của bạn.

Hình dạng

Trước

Trái

Phải

Mặt nền

Hiển thị

Mặt nền

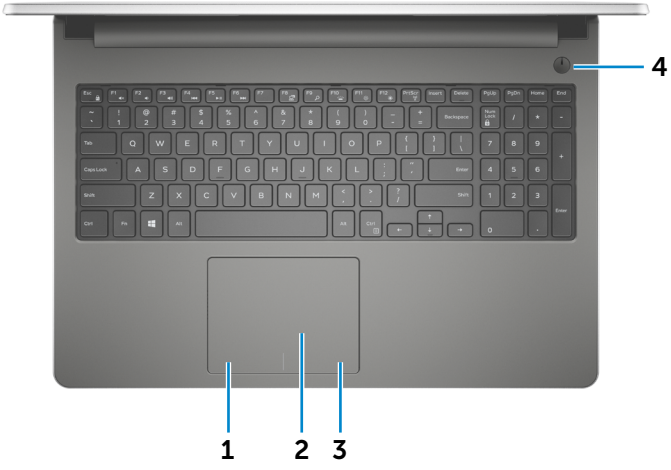

1 Vùng nhấp trái

Bấm để nhấp chuột trái.

2 Bàn di chuột

Trượt ngón tay trên bàn di chuột để di chuyển con trỏ chuột. Nhấn để nhấp chuột trái.

3 Vùng nhấp phải

Bấm để nhấp chuột phải.

4 Nút nguồn

Nhấn để bật máy tính nếu máy đang tắt, ở trạng thái ngủ hoặc trạng thái ngủ đông.

Bấm để đưa máy tính vào trạng thái ngủ nếu máy đang bật.

Bấm và giữ trong 4 giây để buộc máy tính phải tắt.

GHI CHÚ: Bạn có thể tùy chỉnh cách hoạt động của nút nguồn trong Tùy chọn Nguồn điện. Để biết thêm thông tin, hãy xem *Tôi và Dell của tôi* tại **dell.com/support**.

Hình dạng

Trước

Trái

Phải

Mặt nền

Hiển thị

Hiển thị

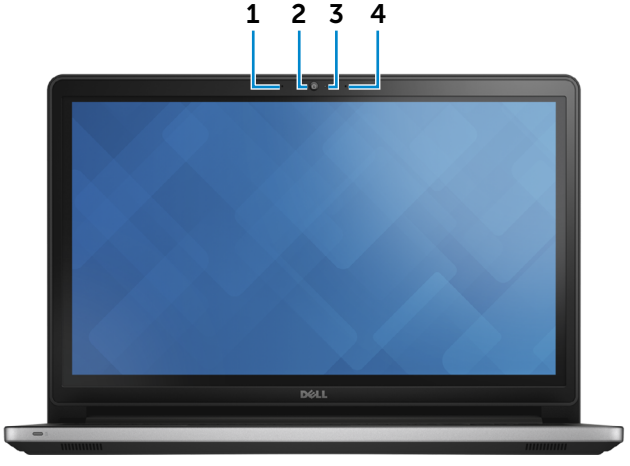

1 Micrô trái (chỉ có ở Inspiron 15-5558)

Cung cấp đầu vào âm thanh kỹ thuật số chất lượng cao để ghi âm, các cuộc gọi thoại, v.v...

2 Camera

Cho phép bạn trò chuyện qua video, chụp ảnh và quay phim.

3 Đèn trạng thái camera

Bật khi đang sử dụng máy ảnh.

4 Micrô phải

Cung cấp đầu vào âm thanh kỹ thuật số chất lượng cao để ghi âm, các cuộc gọi thoại, v.v...

Thông số kỹ thuật

Kích thước và trọng lượng

Chiều cao:	
Cảm ứng	24,05 mm (0,95 in)
Không cảm ứng	23,75 mm (0,94 in)
Rộng	380 mm (14,96 in)
Sâu	260,40 mm (10,25 in)
Trọng lượng (tối đa):	
Cảm ứng	2,39 kg (5,27 pound)
Không cảm ứng	2,24 kg (4,94 pound)
	GHI CHÚ: Trọng lượng máy tính xách tay của bạn sẽ thay đổi tùy theo cấu hình được đặt hàng và khả năng thay đổi sản xuất.

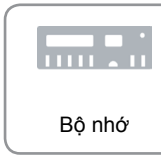

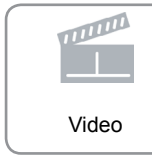

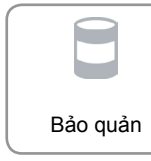

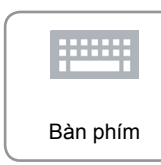

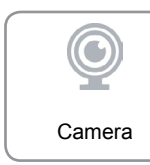

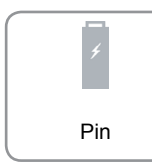

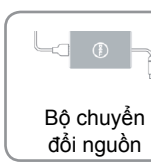

Thông số kỹ thuật

Thông tin Hệ thống

Model máy tính	**Inspiron 15-5558**	**Inspiron 15-5551**
Bộ xử lý	• Bộ xử lý Lõi kép Intel Celeron Dual Core • Bộ xử lý Lõi tứ Intel Pentium Quad Core • Bộ xử lý Intel Core i3 thế hệ thứ 4 • Bộ xử lý Intel Core i3/i5/i7 thế hệ thứ 5	• Bộ xử lý Lõi kép Intel Celeron Dual Core • Bộ xử lý Lõi tứ Intel Pentium Quad Core
Chipset	Được tích hợp trong bộ xử lý	Được tích hợp trong bộ xử lý

Kích thước và trọng lượng

Thông tin Hệ thống

Bộ nhớ

Cổng và Kết nối

Giao tiếp

Video

Âm thanh

Bảo quản

Khe đọc thẻ nhớ

Hiển thị

Bàn phím

Camera

Bàn di chuột

Pin

Bộ chuyển đổi nguồn

Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Bộ nhớ

	Inspiron 15-5558	Inspiron 15-5551
Khe cắm	Hai khe cắm SODIMM	Một khe SODIMM
Loại	DDR3L Dual-channel	DDR3L Single-channel
Tốc độ	1600 MHz	1600 MHz
Cấu hình được hỗ trợ	2 GB, 4 GB, 6 GB, 8 GB, 12 GB và 16 GB	2 GB, 4 GB và 8 GB

Kích thước và trọng lượng

Thông tin Hệ thống

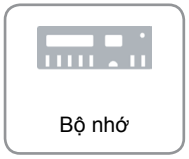
Bộ nhớ

Cổng và Kết nối

Giao tiếp

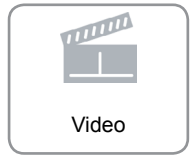
Video

Âm thanh

Bảo quản

Khe đọc thẻ nhớ

Hiển thị

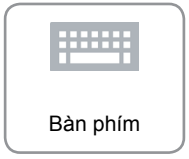
Bàn phím

Camera

Bàn di chuột

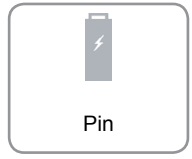
Pin

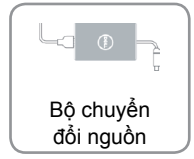
Bộ chuyển đổi nguồn

Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Cổng và Kết nối

Bên ngoài:	
Mạng	Một cổng RJ45 (chỉ có ở Inspiron 15-5558)
USB	• Một cổng USB 3.0 • Hai cổng USB 2.0
Âm thanh/video	• Một cổng HDMI • Một cổng kết hợp tai nghe và micrô (bộ tai nghe)
Bên trong:	
Khe cắm NGFF	Một khe cắm NGFF cho card Wi-Fi và Bluetooth chung

Kích thước và trọng lượng
Thông tin Hệ thống
Bộ nhớ
Cổng và Kết nối
Giao tiếp
Video
Âm thanh
Bảo quản
Khe đọc thẻ nhớ
Hiển thị
Bàn phím
Camera
Bàn di chuột
Pin
Bộ chuyển đổi nguồn
Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Giao tiếp

Ethernet	Bộ điều khiển Ethernet 10/100 Mbps được tích hợp vào bo mạch hệ thống
Không dây	• Wi-Fi 802.11ac • Wi-Fi 802.11b/g/n • Bluetooth 4.0 • Intel WiDi (chỉ trên Windows)

Kích thước và trọng lượng

Thông tin Hệ thống

Bộ nhớ

Cổng và Kết nối

Giao tiếp

Video

Âm thanh

Bảo quản

Khe đọc thẻ nhớ

Hiển thị

Bàn phím

Camera

Bàn di chuột

Pin

Bộ chuyển đổi nguồn

Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Video

	Inspiron 15-5558	Inspiron 15-5551
Bộ điều khiển:		
Được tích hợp	• Intel HD Graphics • Intel HD Graphics 4400 • Intel HD Graphics 5500	Intel HD Graphics
Chuyên dụng	NVIDIA GeForce 920M	Không áp dụng
Bộ nhớ:		
Được tích hợp	Bộ nhớ hệ thống chia sẻ	Bộ nhớ hệ thống chia sẻ
Chuyên dụng	Tối đa 4 GB DDR3L	Không áp dụng

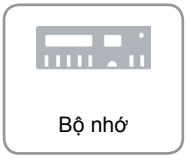

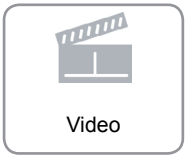

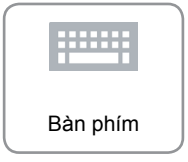

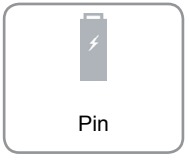

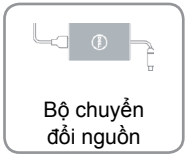

Thông số kỹ thuật

Âm thanh

Bộ điều khiển	Realtek ALC3234 với Waves MaxxAudio
Loa ngoài	Hai
Ngõ ra loa:	
Trung bình	2 W
Đỉnh	2,2 W
Micrô	• Micrô đơn (chỉ có ở Inspiron 15-5551) • Micrô dãy kỹ thuật số (chỉ có ở Inspiron 15-5558)
Điều khiển âm lượng	Phím tắt điều khiển media

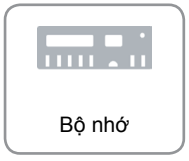

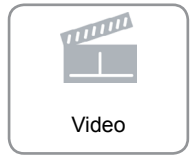

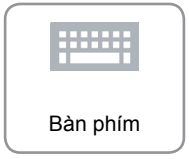

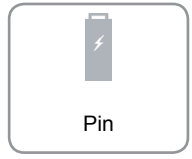

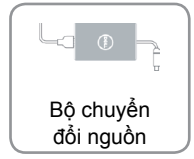

Thông số kỹ thuật

Bảo quản

Giao diện	• SATA 3 Gbps (chỉ có ở Inspiron 15-5551) • SATA 6 Gbps (chỉ có ở Inspiron 15-5558)
Ổ đĩa cứng	Một ổ đĩa 2,5 inch (hỗ trợ Công nghệ Intel Smart Response)
Ổ đĩa quang	Một ổ đĩa SATA 9,5 mm
Ổ đĩa được hỗ trợ	DVD +/- RW

Kích thước và trọng lượng

Thông tin Hệ thống

Bộ nhớ

Cổng và Kết nối

Giao tiếp

Video

Âm thanh

Bảo quản

Khe đọc thẻ nhớ

Hiển thị

Bàn phím

Camera

Bàn di chuột

Pin

Bộ chuyển đổi nguồn

Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Khe đọc thẻ nhớ

Loại	Một khe cắm thẻ SD
Thẻ nhớ hỗ trợ	Thẻ SD

Kích thước và trọng lượng

Thông tin Hệ thống

Bộ nhớ

Cổng và Kết nối

Giao tiếp

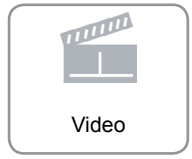
Video

Âm thanh

Bảo quản

Khe đọc thẻ nhớ

Hiển thị

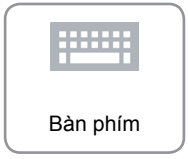
Bàn phím

Camera

Bàn di chuột

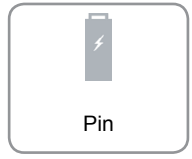
Pin

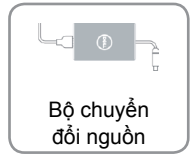
Bộ chuyển đổi nguồn

Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Hiển thị

Loại	• Màn hình HD 15,6 inch cảm ứng • Màn hình HD 15,6 inch không cảm ứng • Màn hình FHD 15,6 inch không cảm ứng (chỉ có ở Inspiron 15-5558) • Màn hình FHD 15,6 inch cảm ứng (chỉ có ở Inspiron 15-5558)			
Tốc độ làm tươi	60 Hz			
Góc hoạt động	0 độ (đóng nắp) đến 135 độ			
Điều khiển	Có thể điều chỉnh độ sáng bằng các phím tắt.			
	HD Cảm ứng	**HD Không cảm ứng**	**FHD Không cảm ứng**	**FHD Cảm ứng**
Độ phân giải (tối đa)	1366 x 768	1366 x 768	1920 x 1080	1920 x 1080
Kích thước điểm ảnh	0,2265 mm	0,2265 mm	0,161 mm	0,17925 mm
Kích thước:				
Chiều cao	225,06 mm (8,86 in)	224,3 mm (8,83 in)	223,8 mm (8,81 in)	225,06 mm (8,86 in)
Rộng	366,63 mm (14,43 in)	360 mm (14,17 in)	359,5 mm (14,15 in)	366,63 mm (14,43 in)
Đường chéo	396,24 mm (15,60 in)	396,24 mm (15,60 in)	396,24 mm (15,60 in)	396,24 mm (15,60 in)

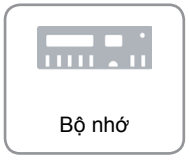

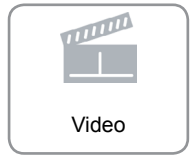

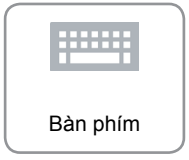

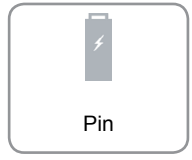

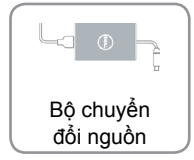

Thông số kỹ thuật

Bàn phím

Loại	• Bàn phím tiêu chuẩn • Bàn phím có đèn nền (tùy chọn)
Phím tắt	Một số phím trên bàn phím của bạn có hai biểu tượng trên phím. Các phím này có thể được sử dụng để gõ ký tự thay thế hoặc để thực hiện các chức năng phụ. Để gõ ký tự thay thế, hãy nhấn Shift và phím mong muốn. Để thực hiện chức năng phụ, hãy nhấn Fn và phím mong muốn. **GHI CHÚ:** Bạn có thể thay đổi hành vi của các phím tắt bằng cách nhấn Fn+Esc hoặc bằng cách thay đổi **Hành vi Phím tắt** trong chương trình cài đặt BIOS. Danh sách các phím tắt.

Kích thước và trọng lượng | Thông tin Hệ thống | Bộ nhớ | Cổng và Kết nối | Giao tiếp | Video | Âm thanh | Bảo quản
Khe đọc thẻ nhớ | Hiển thị | Bàn phím | Camera | Bàn di chuột | Pin | Bộ chuyển đổi nguồn | Môi Trường Máy Tính

Phím tắt

F1	Tắt âm
F2	Giảm âm lượng
F3	Tăng âm lượng
F4	Phát bản nhạc/chương trước đó
F5	Phát/Tạm dừng
F6	Phát bản nhạc/chương kế tiếp
F8	Chuyển đổi sang màn hình hiển thị bên ngoài
F9	Tìm kiếm
F10	Bật tắt đèn nền bàn phím (tùy chọn)
F11	Giảm độ sáng
F12	Tăng độ sáng

Fn + PrtScr	Tắt/mở mạng không dây
Fn + Insert	Chế độ Ngủ
Fn + Esc	Bật tắt khóa phím Fn
Fn + H	Bật tắt giữa đèn nguồn và đèn tình trạng pin/đèn hoạt động ổ đĩa cứng
Fn + Ctrl	Mở menu ứng dụng
Fn + B	Pause/Break
Fn + R	Yêu cầu hệ thống
Fn + S	Bật tắt phím Scroll lock

Thông số kỹ thuật

Camera

Độ phân giải:	
Ảnh tĩnh	0,92 megapixel
Video	1280 x 720 (HD) ở 30 khung hình/giây (tối đa)
Góc nhìn chéo	74 độ

Kích thước và trọng lượng

Thông tin Hệ thống

Bộ nhớ

Cổng và Kết nối

Giao tiếp

Video

Âm thanh

Bảo quản

Khe đọc thẻ nhớ

Hiển thị

Bàn phím

Camera

Bàn di chuột

Pin

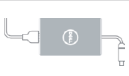
Bộ chuyển đổi nguồn

Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Bàn di chuột

Độ phân giải:	
Ngang	1211 dpi
Dọc	1267 dpi
Kích thước:	
Rộng	105 mm (4,13 in)
Chiều cao	80 mm (3,15 in)

Kích thước và trọng lượng

Thông tin Hệ thống

Bộ nhớ

Cổng và Kết nối

Giao tiếp

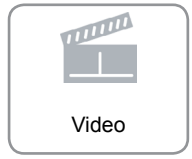
Video

Âm thanh

Bảo quản

Khe đọc thẻ nhớ

Hiển thị

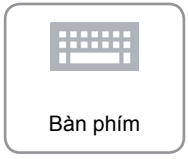
Bàn phím

Camera

Bàn di chuột

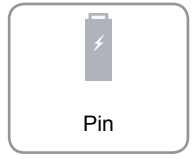
Pin

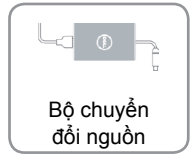
Bộ chuyển đổi nguồn

Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Pin

Loại	• lithium ion “thông minh” 4 cell (40 WHr) • lithium ion “thông minh” 4 cell (47 WHr)
Kích thước:	
Rộng	270 mm (10,63 in)
Sâu	37,5 mm (1,48 in)
Chiều cao	20 mm (0,79 in)
Trọng lượng (tối đa)	• 40 WHr—0,25 kg (0,55 pound) • 47 WHr—0,26 kg (0,56 pound)
Điện áp	14,8 VDC
Thời gian sạc pin khi máy tính đang tắt (xấp xỉ)	4 giờ
Thời gian hoạt động	Thay đổi tùy theo điều kiện hoạt động và có thể suy giảm đáng kể dưới những điều kiện cần nhiều năng lượng nhất định.
Tuổi thọ (xấp xỉ)	300 chu kỳ xả/sạc điện
Nhiệt độ:	
Hoạt động	0°C đến 35°C (32°F đến 95°F)
Bảo quản	–40°C đến 65°C (–40°F đến 149°F)
Pin dạng đồng xu	CR-2032

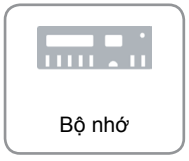

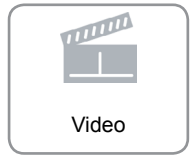

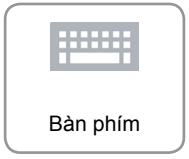

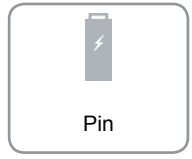

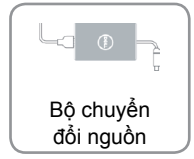

Thông số kỹ thuật

Bộ chuyển đổi nguồn

Loại	• 45 W • 65 W
Điện áp đầu vào	100 VAC–240 VAC
Tần số đầu vào	50 Hz–60 Hz
Dòng đầu vào (tối đa):	
45 W	1,30 A
65 W	1,60 A/1,70 A
Dòng đầu ra (tối đa):	
45 W	2,31 A
65 W	3,34 A
Điện áp đầu ra định mức	19,50 VDC
Nhiệt độ:	
Hoạt động	0°C đến 40°C (32°F đến 104°F)
Bảo quản	–40°C đến 70°C (–40°F đến 158°F)

Kích thước và trọng lượng | Thông tin Hệ thống | Bộ nhớ | Cổng và Kết nối | Giao tiếp | Video | Âm thanh | Bảo quản
Khe đọc thẻ nhớ | Hiển thị | Bàn phím | Camera | Bàn di chuột | Pin | Bộ chuyển đổi nguồn | Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Môi Trường Máy Tính

Mức độ chất gây ô nhiễm không khí	G1 theo quy định bởi ISA-S71.04-1985	
	Hoạt động	**Bảo quản**
Nhiệt độ	0°C đến 35°C (32°F đến 95°F)	–40°C đến 65°C (–40°F đến 149°F)
Độ ẩm tương đối (tối đa)	10% đến 90% (không ngưng tụ)	0% đến 95% (không ngưng tụ)
Độ rung (tối đa)*	0,66 GRMS	1,30 GRMS
Va đập (tối đa)	110 G†	160 G‡
Độ cao (tối đa)	–15,2 m đến 3048 m (–50 ft đến 10.000 ft)	–15,2 m đến 10.668 m (–50 ft đến 35.000 ft)

* Đo bằng dải phổ rung động ngẫu nhiên nhằm mô phỏng môi trường người dùng.
† Đo bằng một xung nửa hình sin 2 ms khi đang sử dụng ổ đĩa cứng.
‡ Đo bằng một xung nửa hình sin 2 ms khi đầu đọc ổ đĩa cứng đang ở vị trí dừng.

Kích thước và trọng lượng

Thông tin Hệ thống

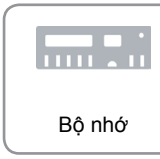
Bộ nhớ

Cổng và Kết nối

Giao tiếp

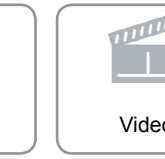
Video

Âm thanh

Bảo quản

Khe đọc thẻ nhớ

Hiển thị

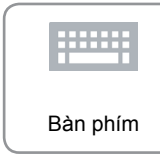
Bàn phím

Camera

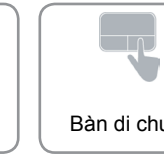
Bàn di chuột

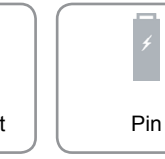
Pin

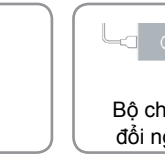
Bộ chuyển đổi nguồn

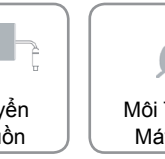
Môi Trường Máy Tính